

# CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

## CTCP VICEM Thạch cao Xi măng

Ngày 15/01/2024	<b>4,500 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>12.5%</b>	<b>25.0%</b>	<b>21.6%</b>

**DT thuần**  
Q4/23

**29.1**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.10 | 7.9%  
YoY: ▼ 50.0 | -63.2%

**LN thuần**  
Q4/23

**-1.05**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.28 | -36.1%  
YoY: ▼ 4.95 | -127%

**LN sau thuế**  
Q4/23

**-1.05**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.30 | -40.0%  
YoY: ▼ 4.79 | -128%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**-3.3%**

YoY: +/- ▼ 4.0%

**ROE**  
2023

**-4.1%**

YoY: +/- ▼ 4.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,000 - 6,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
Số lượng CPLH (CP)	7,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,520
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.66
EPS	-667
P/E	-6.9

**DT thuần**  
2023

**111**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 141 | -56.0%

**LN thuần**  
2023

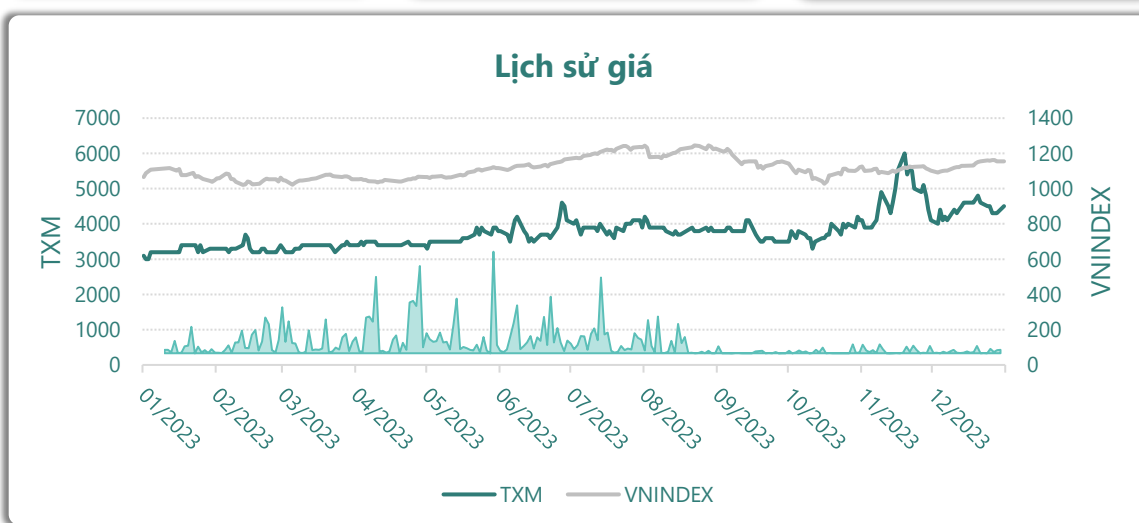
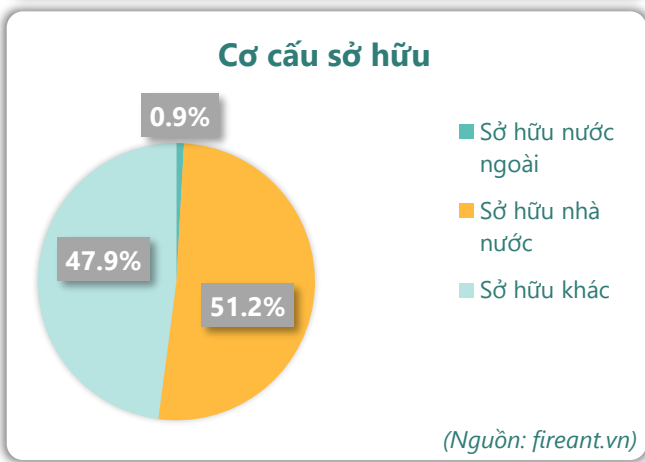
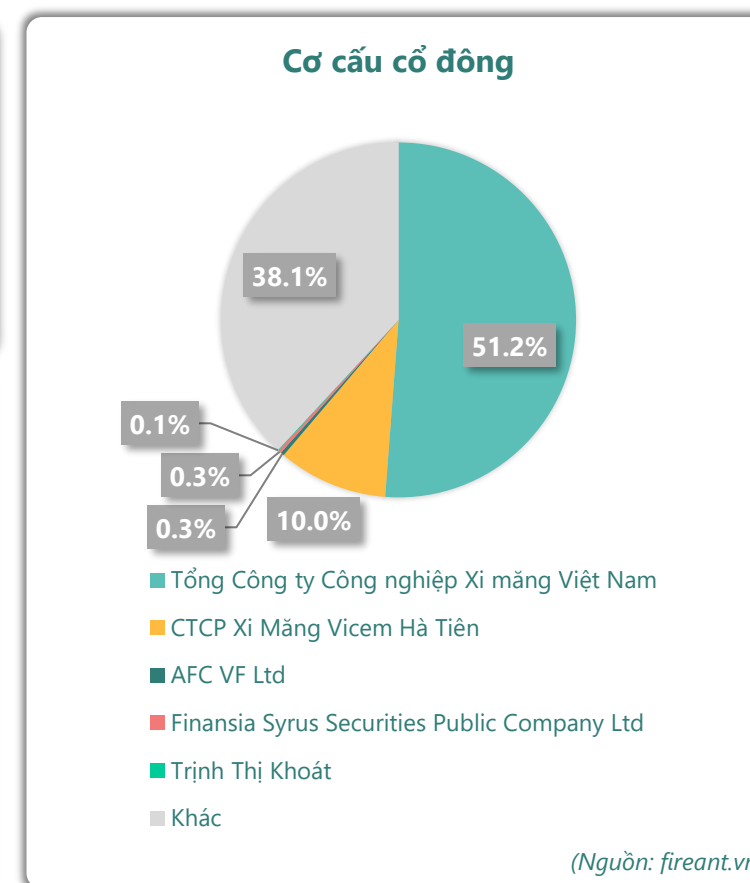
**-4.71**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.85 | -3464%

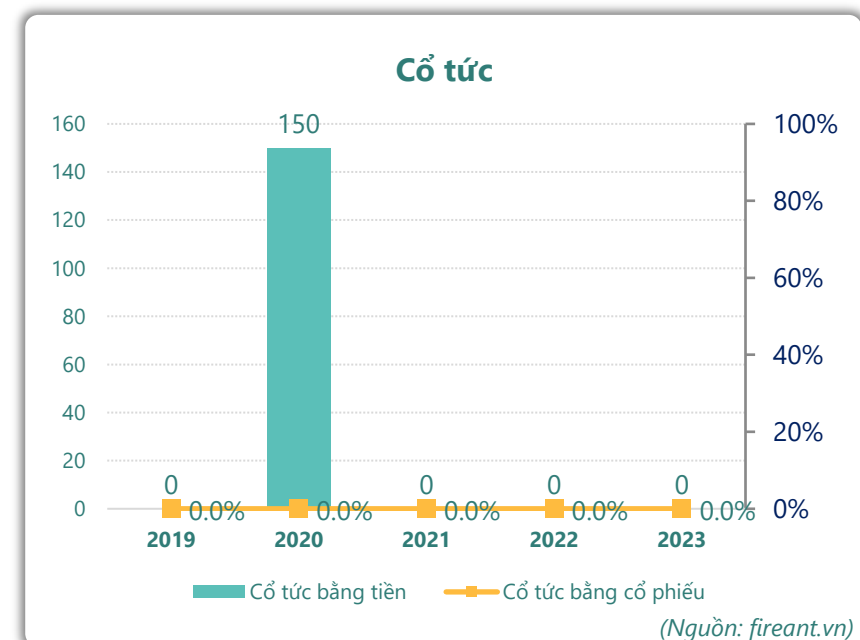
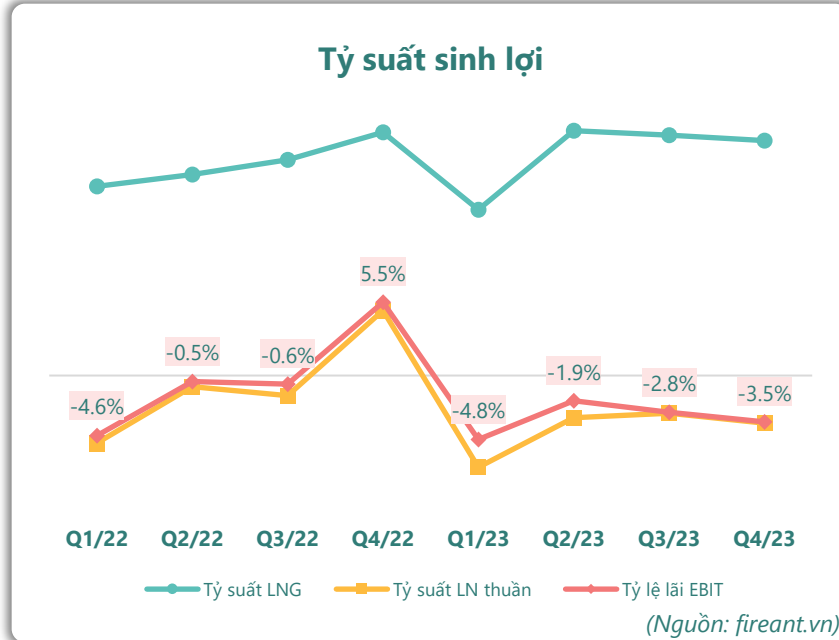
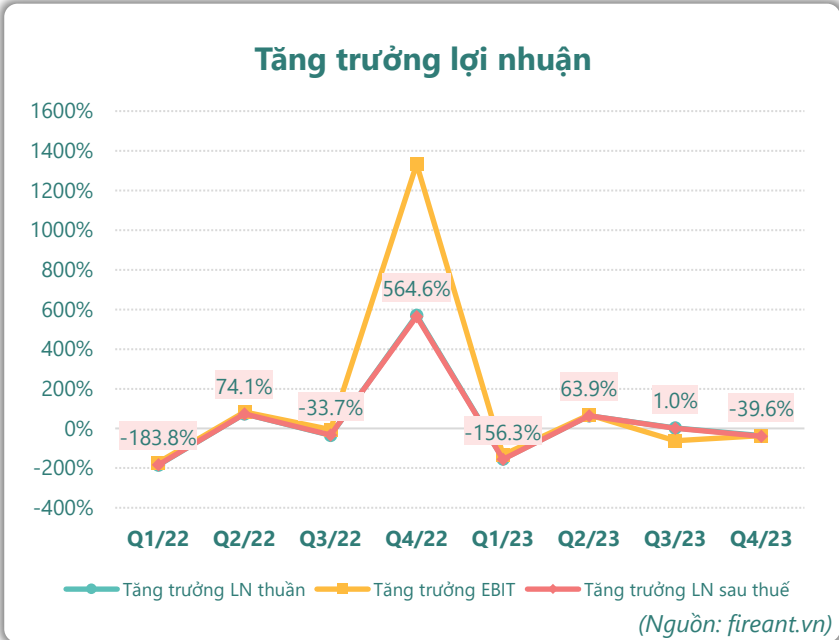
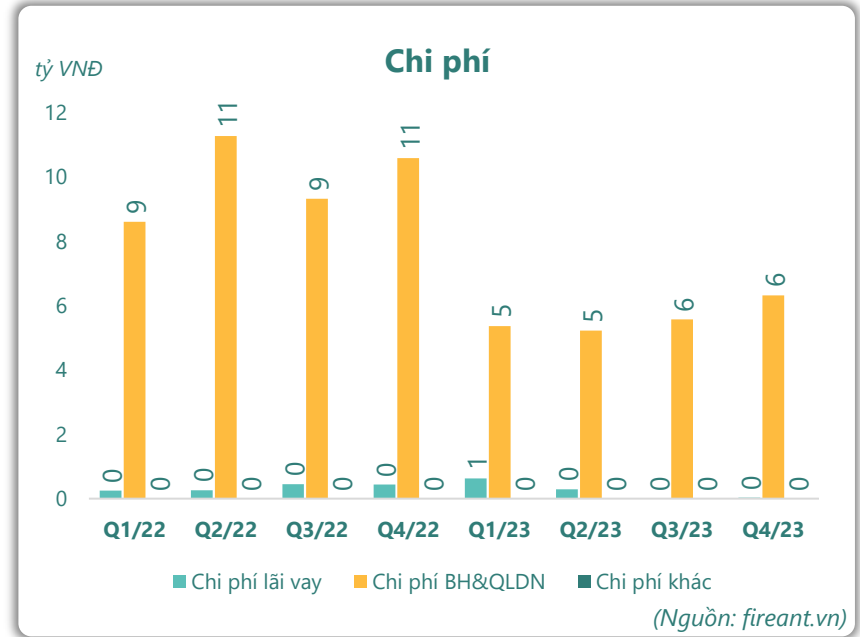
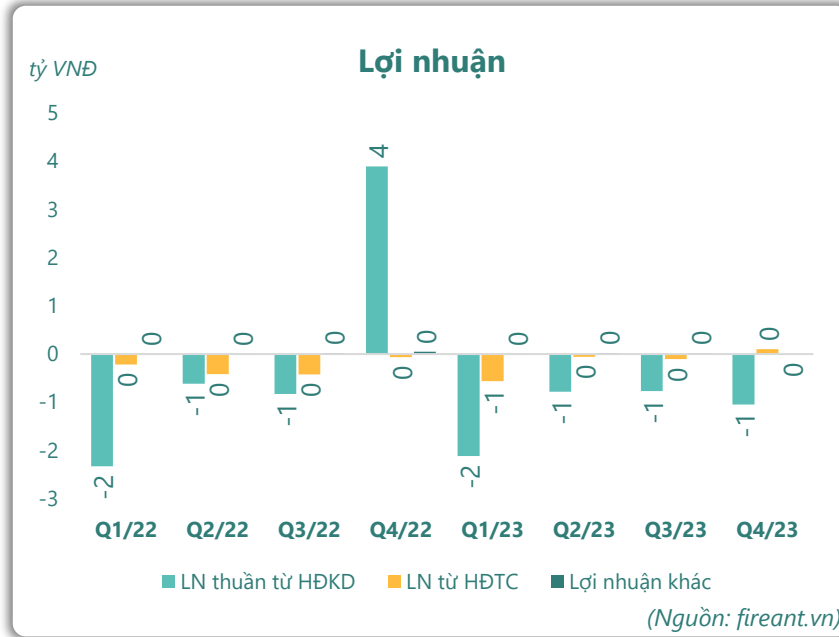
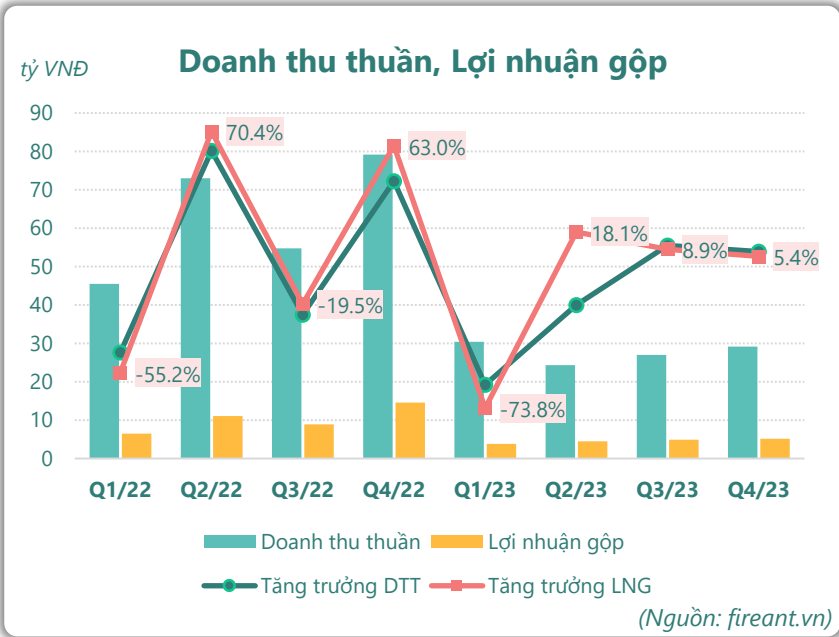
**LN sau thuế**  
2023

**-4.67**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.69 | -26475%



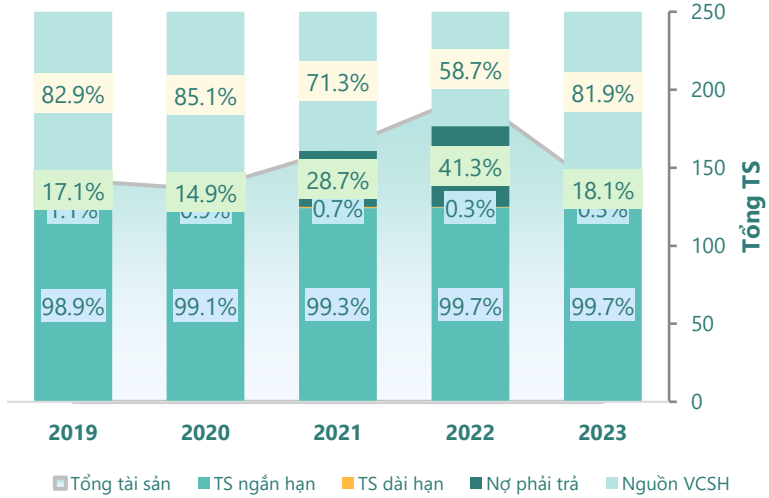
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

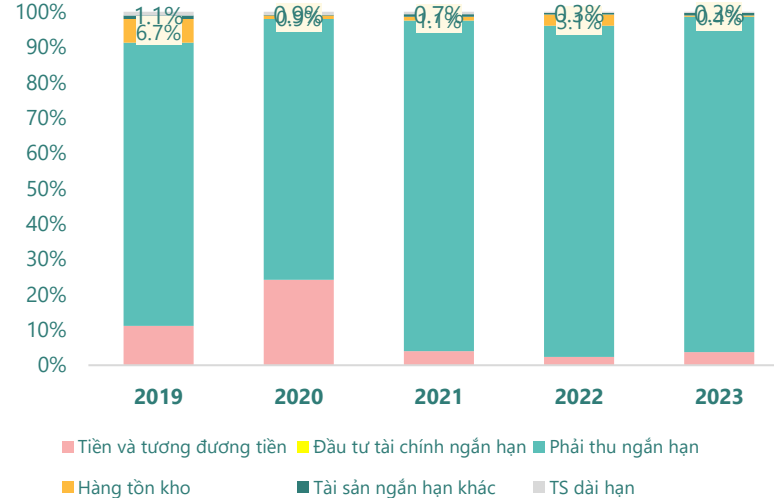
### Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

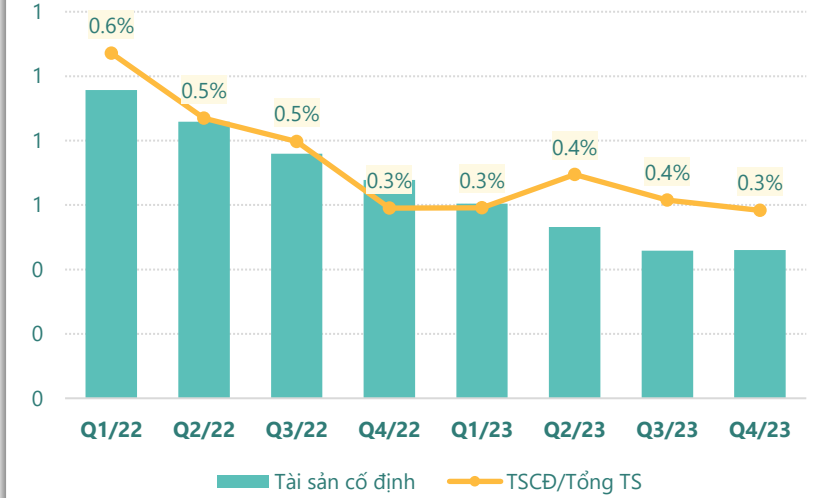
### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

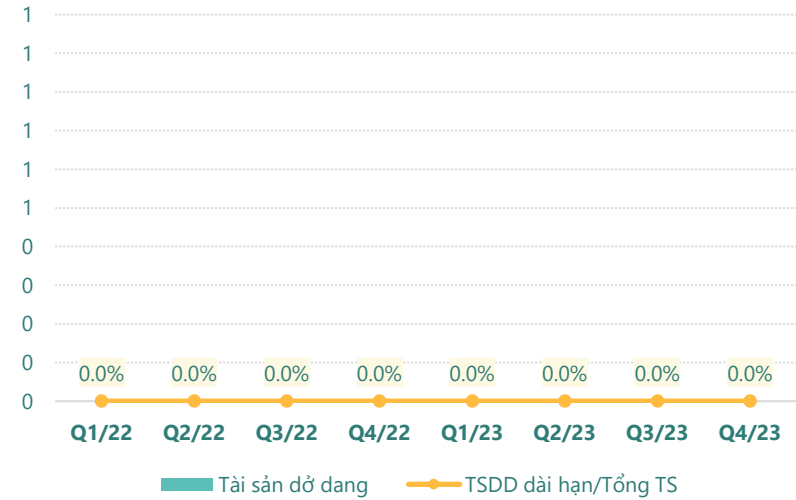
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

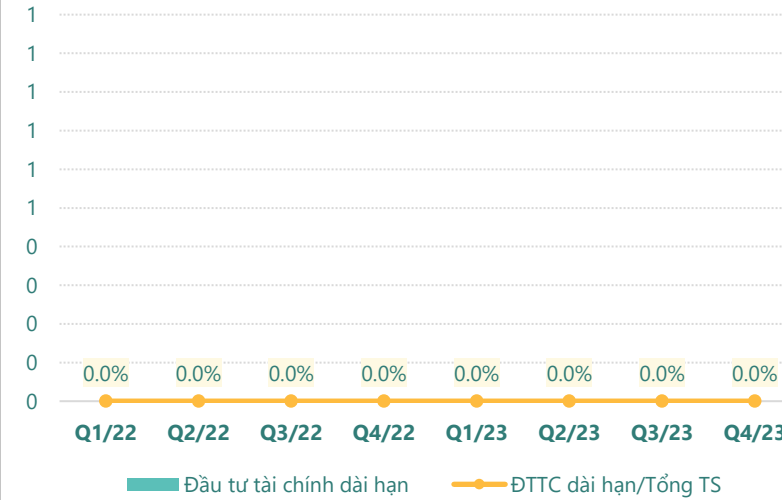
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

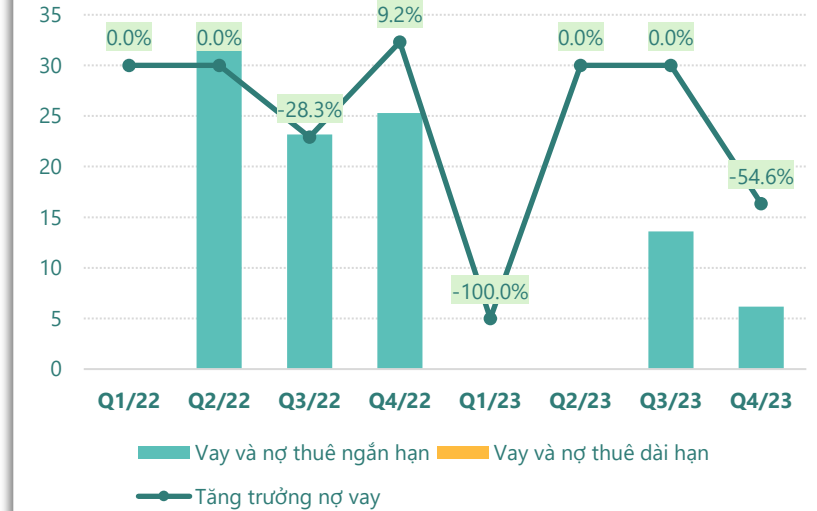
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

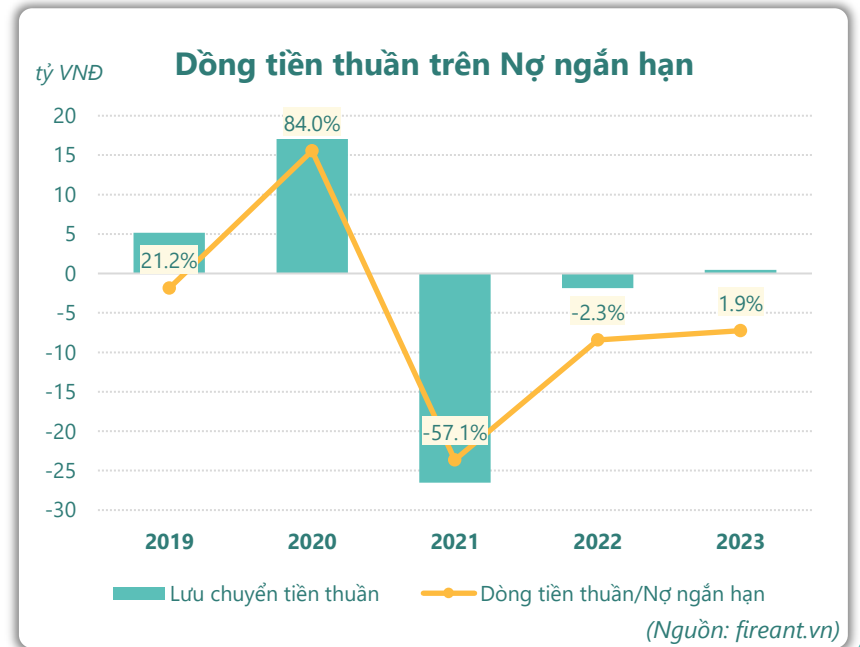
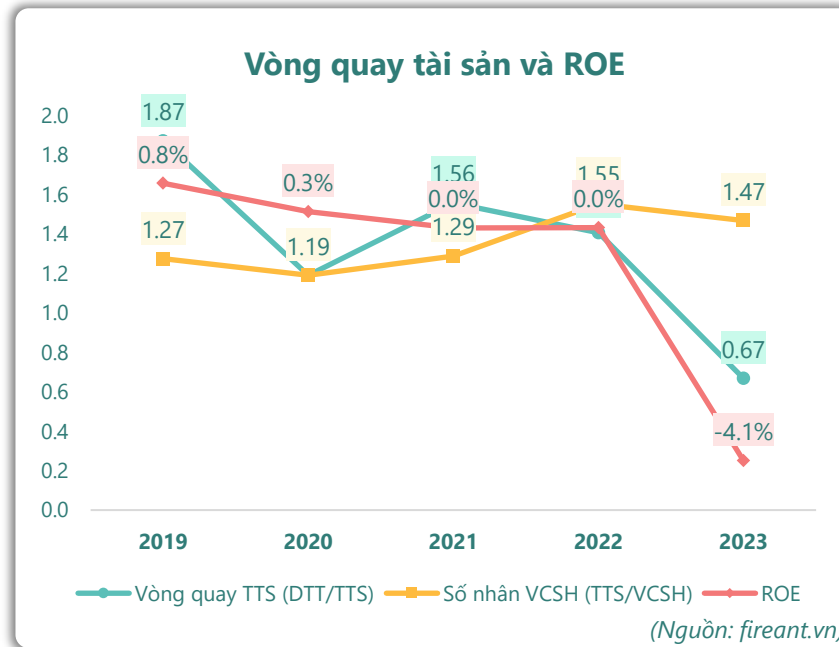
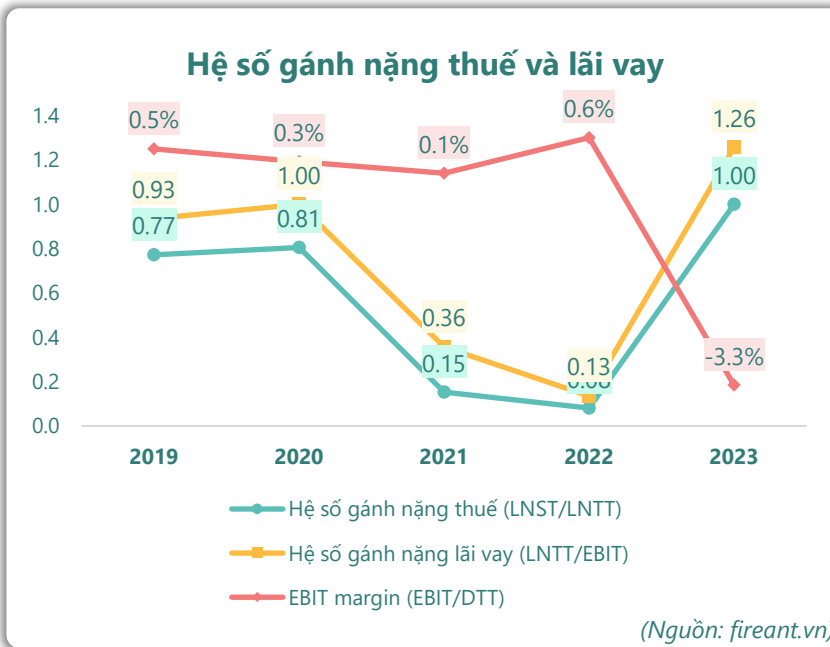
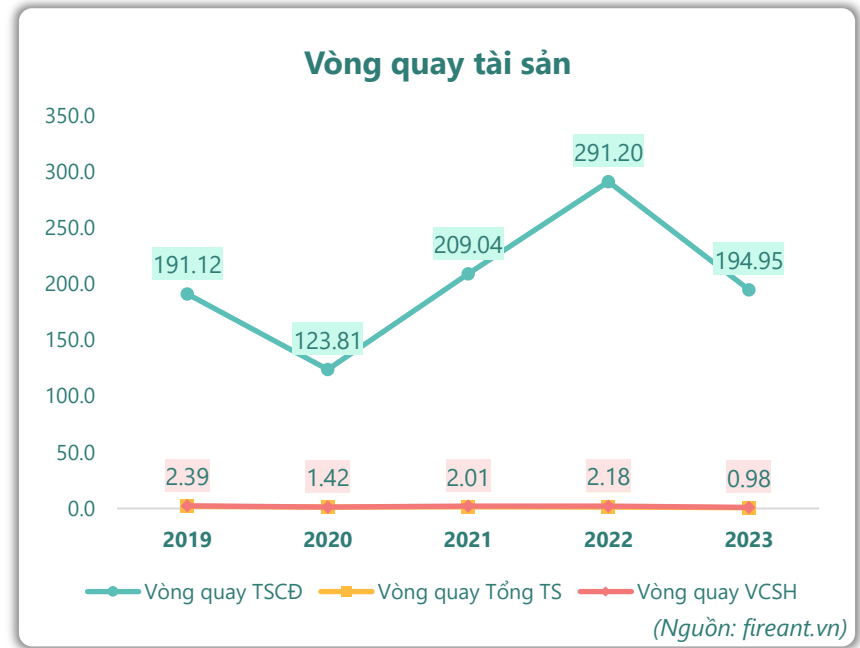
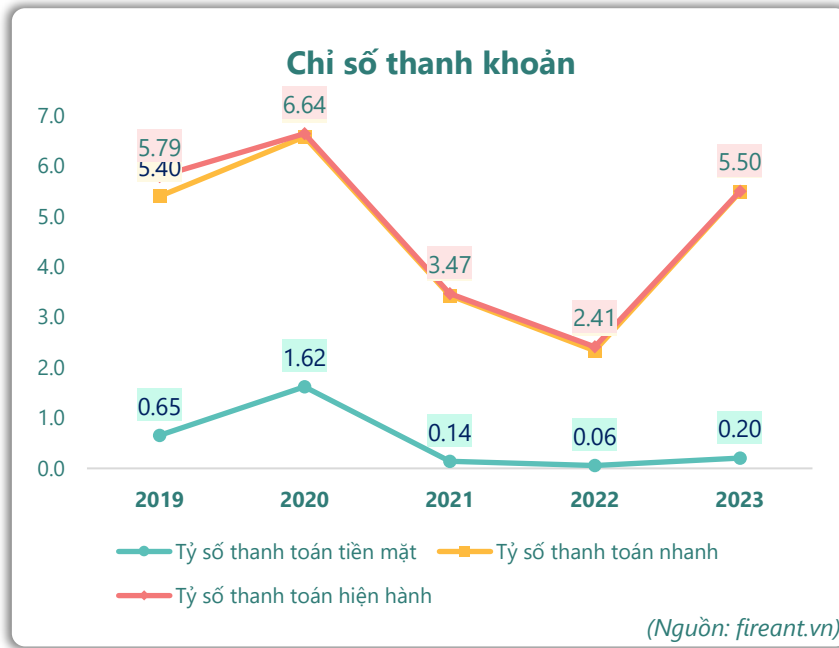
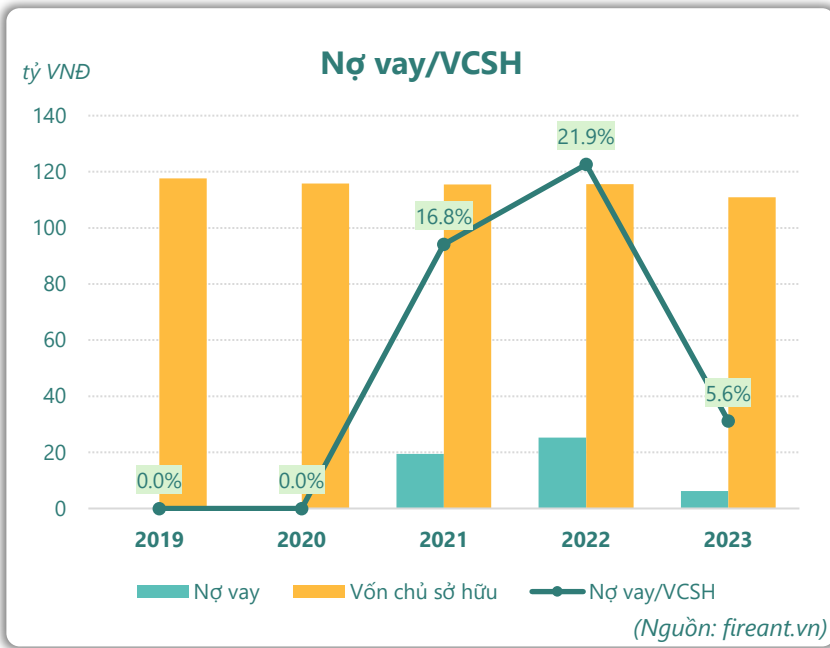
### Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>29.1</b>	<b>79.1</b>	<b>-63.2%</b>	<b>111</b>	<b>252</b>	<b>-56.0%</b>
Giá vốn hàng bán	23.9	64.6	-62.9%	92.5	211	-56.2%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>5.18</b>	<b>14.6</b>	<b>-64.5%</b>	<b>18.4</b>	<b>41.1</b>	<b>-55.2%</b>
Doanh thu HĐTC	0.17	0.49	-64.7%	0.62	0.80	-22.6%
Chi phí TC	0.07	0.55	-87.3%	1.25	1.93	-35.4%
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>0.03</b>	<b>0.44</b>	<b>-93.5%</b>	<b>0.96</b>	<b>1.41</b>	<b>-32.3%</b>
LN trong công ty LKLD	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
Chi phí bán hàng	3.97	8.99	-55.8%	12.0	29.8	-59.7%
Chi phí QLDN	<b>2.35</b>	<b>1.61</b>	<b>46.2%</b>	<b>10.5</b>	<b>10.0</b>	<b>4.6%</b>
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>-1.05</b>	<b>3.90</b>	<b>-127%</b>	<b>-4.71</b>	<b>0.14</b>	<b>-3464%</b>
Lợi nhuận khác	<b>0.00</b>	<b>0.05</b>	<b>-105%</b>	<b>0.04</b>	<b>0.08</b>	<b>-49.2%</b>
<b>LN trước thuế</b>	<b>-1.05</b>	<b>3.94</b>	<b>-127%</b>	<b>-4.67</b>	<b>0.22</b>	<b>-2219%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>-1.05</b>	<b>3.74</b>	<b>-128%</b>	<b>-4.67</b>	<b>0.02</b>	<b>-26475%</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>-1.05</b>	<b>3.74</b>	<b>-128%</b>	<b>-4.67</b>	<b>0.02</b>	<b>-26475%</b>

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.13	-0.33	-8.97	46.1	-6.80	-11.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	0.17	0.05	0.21	0.15	0.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.15	2.13	7.34	-32.6	0	6.17
Tiền đầu kỳ	5.56	2.58	4.55	2.97	16.7	10.1
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>-2.98</b>	<b>1.98</b>	<b>-1.58</b>	<b>13.7</b>	<b>-6.64</b>	<b>-5.03</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	0	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	2.58	4.55	2.97	16.7	10.1	5.02

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>135</b>	<b>197</b>	<b>-31.2%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>135</b>	<b>196</b>	<b>-31.2%</b>
Tiền và tương đương tiền	5.02	4.55	10.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	128	185	-30.4%
Hàng tồn kho	0.51	6.19	-91.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.02	0.93	9.7%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>0.46</b>	<b>0.68</b>	<b>-32.0%</b>
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.46	0.68	-32.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	<b>0</b>	<b>0</b>	
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>24.5</b>	<b>81.3</b>	<b>-69.9%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>24.5</b>	<b>81.3</b>	<b>-69.9%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.17	25.3	-75.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.6	51.4	-69.7%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>111</b>	<b>116</b>	<b>-4.0%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>111</b>	<b>116</b>	<b>-4.0%</b>
Vốn điều lệ	70.0	70.0	0.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

(Nguồn: fireant.vn)